

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1395/TTr-SVHTTDL ngày 13 tháng 4 năm 2026; Báo cáo số 1468/BC-SVHTTDL ngày 15 tháng 4 năm 2026; thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 125/BC-STP ngày 31 tháng 3 năm 2026; ý kiến thống nhất của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với hộ gia đình; thôn, làng, tổ dân phố, khu phố (gọi chung là thôn, tổ dân phố); xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét tặng danh hiệu “Gia đình văn

hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”, thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”

1. Đối với danh hiệu “Gia đình văn hóa”

a) Thang điểm tối đa làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”: 100 điểm.

b) Hộ gia đình thuộc thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đảo và xã An toàn khu theo quy định tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh sách xã đảo và xã An toàn khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Đạt từ 80 điểm trở lên. Hộ gia đình không thuộc trường hợp trên đạt từ 90 điểm trở lên và đạt các tiêu chuẩn tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Đối với danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”

a) Thang điểm tối đa làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá”: 100 điểm.

b) Các thôn, tổ dân phố thuộc thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đảo và xã An toàn khu theo quy định tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về việc công bố danh sách xã đảo và xã An toàn khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Đạt từ 80 điểm trở lên. Các thôn, tổ dân phố không thuộc trường hợp trên đạt từ 90 điểm trở lên và đạt các tiêu chuẩn tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Đối với danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”

Thang điểm tối đa làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”: 100 điểm.

Việc xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” để tặng hằng năm cho xã, phường, đặc khu dẫn đầu cụm phong trào thi đua cấp tỉnh và đạt các tiêu chuẩn tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 5: Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Thôn, tổ dân phố văn hoá”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu”.

2. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá”

a) Văn bản đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” (Mẫu số 01).

b) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” (Mẫu số 02).

c) Biên bản họp bình xét danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” (Mẫu số 03).

3. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” (Mẫu số 04).

b) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” (Mẫu số 05).

c) Biên bản họp xét danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” (Mẫu số 06).

4. Thành phần hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thực hiện theo Mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Thôn, tổ dân phố văn hoá”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá”

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể cùng cấp tổ chức họp, đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố và lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp để đánh giá, quyết định danh sách thôn, tổ dân phố đủ điều kiện được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”; công khai trên Trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết hạn xin ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” (Mẫu số 07 của phụ lục IV kèm theo Quyết định này) và bằng chứng nhận “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

3. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tổ chức họp, đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn và lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*) trước ngày 25 tháng 11 hằng năm.

b) Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” (Mẫu số 08 của phụ lục IV Quyết định này) và bằng chứng nhận “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp chỉ đạo, theo dõi, tổng hợp việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này, thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” quy định tại Quyết định này.

c) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng xét tặng các danh hiệu văn hoá gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tại cơ sở.

d) Hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí đóng trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên các phương tiện thông tin đại chúng để toàn thể Nhân dân được tiếp cận thông tin.

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa” “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

e) Tiếp nhận, tổng hợp hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trình gửi Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

2. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng, công nhận danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” theo quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo phân cấp ngân sách, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành.

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn, nội dung liên quan trong quá trình xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp hỗ trợ các đơn vị trực thuộc giám sát, đánh giá các tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” tại địa phương.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa” thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã phối hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, giám sát tính công khai, dân chủ trong bình xét và báo cáo kết quả giám sát hàng năm với UBND cùng cấp.

d) Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

đ) Bố trí, bảo đảm kinh phí cho công tác triển khai thực hiện Quyết định này và khen thưởng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn, tổ dân phố văn hóa” theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2026.
2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các Quyết định sau đây hết hiệu lực:

a) Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định chi tiết tiêu chuẩn và cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, Tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Vụ Pháp chế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công báo, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TTT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU
“GIA ĐÌNH VĂN HÓA”

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND ngày 14/5/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Cách thức đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
Tổng điểm: 100 điểm			100đ	
I. Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	1. Các thành viên trong gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật (10 điểm)	a) 100% các thành viên trong gia đình chấp hành đúng các quy định của pháp luật; không bị xử lý kỷ luật tại nơi sinh sống, nơi làm việc và nơi học tập từ khiển trách trở lên.	2đ	
		b) Treo Quốc kỳ trong những ngày lễ, sự kiện chính trị của đất nước, của địa phương theo quy định.	2đ	
		c) Không vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông như: Lấn chiếm lòng đường, hè phố, tham gia giao thông.	3đ	
		d) Không tham gia các hoạt động tuyên truyền chống Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh.	3đ	
	2. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định (5 điểm)	a) Không vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	2đ	
		b) Không tổ chức việc cưới, việc tang trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc	1đ	
		c) Thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình.	2đ	
	3. Bảo đảm thực hiện an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy (10 điểm)	a) Có cam kết giao ước thi đua xây dựng khu dân cư “An toàn về ANTT và PCCC”; thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về ANTT và PCCC.	5đ	

		b) Tích cực tham gia các mô hình Khu dân cư an toàn về an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy do địa phương phát động.	5đ	
	4. Bảo đảm các quy định về độ ồn, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng theo quy định của pháp luật về môi trường (5 điểm)	Bảo đảm các quy định về độ ồn, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng theo quy định của pháp luật về môi trường.	5đ	
II. Tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương	1. Tham gia các hoạt động nhằm bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên và môi trường của địa phương (10 điểm)	a) Các thành viên gia đình tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tại địa phương; bảo vệ các di tích quốc gia đặc biệt, quốc gia, cấp tỉnh và di tích trong danh mục kiểm kê.	5đ	
		b) Có tham gia các câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp.	2đ	
		c) Hộ gia đình thực hiện tốt việc giữ gìn vệ sinh môi trường, đổ rác và chất thải đúng quy định; tham gia xây dựng cảnh quan môi trường nơi cư trú xanh - sạch - đẹp.	3đ	
	2. Tham gia các phong trào từ thiện, nhân đạo; đền ơn đáp nghĩa; khuyến học khuyến tài và xây dựng gia đình học tập (5 điểm)	a) Tích cực tham gia đầy đủ các phong trào do thôn, tổ dân phố phát động như các phong trào từ thiện, nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, khuyến học khuyến tài...	3đ	
		b) Tham gia các Mô hình "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập" tại địa phương (nếu có).	1đ	
		c) Gia đình có ít nhất từ 1-3 người thành thạo một số kỹ năng số cơ bản	1đ	
	3. Tham gia sinh hoạt cộng đồng ở nơi cư trú (10 điểm)	a) Các thành viên trong gia đình thực hiện tốt các nội quy trong hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.	5đ	
		b) Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; hội họp, đại đoàn kết toàn dân tộc tại nơi cư trú.	3đ	

		c) Các thành viên trong gia đình có nếp sống lành mạnh, văn minh, ứng xử có văn hóa trong gia đình, cộng đồng và xã hội.	2đ	
	4. Tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức (5 điểm)	a) Gia đình tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức.	1đ	
		b) Thường xuyên tuyên truyền, vận động gia đình, người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái; tham gia trồng cây xanh, đường hoa, cây cảnh xung quanh nhà và nơi cư trú.	1đ	
		c) Tích cực tham gia các phong trào thi đua: chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới; sản xuất, kinh doanh giỏi; “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”...	1đ	
		d) Gia đình có phương tiện nghe, nhìn và thường xuyên được tiếp cận thông tin kinh tế, văn hóa - xã hội.	1đ	
		đ) Nhà ở ngăn nắp, sạch sẽ; khuôn viên nhà ở xanh, sạch, đẹp; cải tạo vườn tạp, không bỏ hoang đất sản xuất.	1đ	
	5. Người trong độ tuổi có khả năng lao động tích cực làm việc và có thu nhập chính đáng (5 điểm)	Thành viên trong gia đình trong độ tuổi lao động có khả năng lao động có việc làm và thu nhập ổn định.	5đ	
	6. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường (5 điểm)	100% trẻ em trong gia đình ở độ tuổi đi học được đến trường	5đ	
III. Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; thường xuyên gắn	1. Thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình (5 điểm)	a) Có đăng ký thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình.	3đ	
		b) Ông, bà, cha, mẹ và các thành viên trong gia đình được quan tâm, chăm sóc, phụng dưỡng.	2đ	
	2. Thực hiện tốt chính sách dân số, hôn nhân	a) Thực hiện hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, bình đẳng, hòa thuận, thủy chung.	3đ	

bó, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ trong cộng đồng	nhân và gia đình. (5 điểm)	b) Tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nuôi dạy con tốt; tuyên truyền, vận động giáo dục chuyển đổi hành vi, nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.	2đ	
	3. Thực hiện tốt các mục tiêu về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới (5 điểm)	a) Thực hiện tốt các quy định trong Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.	1đ	
		b) Không có bạo lực gia đình dưới mọi hình thức; vợ chồng bình đẳng, thương yêu giúp đỡ nhau tiến bộ, cùng có trách nhiệm nuôi con khỏe, dạy con ngoan.	2đ	
		c) Các thành viên trong gia đình được tôn trọng, thực hiện quyền và nghĩa vụ như nhau; không phân biệt đối xử về giới, có cơ hội như nhau trong phát triển kinh tế - xã hội.	2đ	
	4. Hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước/các loại hình tương tự hợp vệ sinh (10 điểm)	a) Hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước/các loại hình tương tự hợp vệ sinh.	3đ	
		b) Không vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường.	5đ	
		c) Hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy định; có 3 công trình hợp vệ sinh (nước sạch, nhà tắm, nhà tiêu) đạt chuẩn và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).	2đ	
	5. Tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng khi khó khăn, hoạn nạn (5 điểm)	Tham gia giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, gia đình khó khăn, người già neo đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam-dioxin và những người bất hạnh...	5đ	

Phụ lục II
TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG
DANH HIỆU “THÔN, TỔ DÂN PHỐ VĂN HÓA”
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND ngày 14/5/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn	Cách thức đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
Tổng điểm			100 điểm	
I. Đời sống kinh tế ổn định và phát triển	1. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định (10 điểm)	a) Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định đạt 90% đối với thôn, tổ dân phố thuộc phường; 80% đối với thôn thuộc xã, đặc khu Lý Sơn.	5đ	
		b) Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn thu nhập bình quân đầu người của xã, phường, đặc khu.	5đ	
	2. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp (10 điểm)	a) Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều thấp hơn so với mức bình quân chung của địa phương	5đ	
		b) Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở kiên cố cao hơn mức bình quân chung, không phát sinh nhà ở dột nát.	3đ	
		c) Thực hiện tốt cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “không để ai bị bỏ lại phía sau”.	2đ	
	3. Phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có đóng góp về văn hóa, công nghệ, khoa học kỹ thuật cho địa phương (5 điểm)	a) Có tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về văn hóa, ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật, thu hút trên 80% người dân tham gia.	3đ	
		b) Có hoạt động phát triển ngành nghề truyền thống.	1đ	
		c) Có hợp tác và liên kết phát triển kinh tế.	1đ	
	4. Tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa	a) Có từ 85% trở lên hộ gia đình tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức.	1đ	
		b) Có từ 90% trở lên hộ gia đình tham gia cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế - xã hội ở cộng đồng.	1đ	

	phương tổ chức (5 điểm)	c) 80% đường thôn, 100% đường tổ dân phố được cứng hoá; đường thôn, tổ dân phố sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện.	3đ	
II. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú	1. Nhà văn hóa, sân thể thao, điểm đọc sách phục vụ cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của thôn, tổ dân phố (5 điểm)	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn được tu bổ, tôn tạo, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của cộng đồng dân cư theo quy định về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	5đ	
	2. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường (5 điểm)	Có 100% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường	5đ	
	3. Tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh (5 điểm)	a) Có tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, sản xuất và đời sống của Nhân dân ở thôn.	1đ	
		b) Duy trì tổ chức hoạt động thường xuyên tuyên phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng; các cuộc giao lưu, liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ; giao hữu, thi đấu các môn thể thao.	2đ	
		c) Duy trì hoạt động các loại hình Câu lạc bộ, nhóm sở thích; phát hiện bồi dưỡng năng khiếu văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em...	2đ	
	4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội (5 điểm)	a) Có từ 90% trở lên hộ gia đình thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.	2đ	
		b) Không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan, không có các hủ tục lạc hậu.	3đ	
	5. Thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội (5 điểm)	a) 100% các vụ bạo lực gia đình, mâu thuẫn, bất hòa ở cộng đồng được tổ chức hòa giải.	2đ	
		b) Không để phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng; không có người sử dụng và lưu hành văn hóa phẩm độc hại.	1đ	
		c) Không có hành vi lây truyền dịch bệnh trong cộng đồng.	2đ	

	6. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương (5 điểm)	a) Di sản văn hóa trên địa bàn thôn, tổ dân phố được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa.	1đ	
		b) Thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ văn hóa, thể thao nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.	1đ	
		c) Có nhiều hoạt động bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương.	1đ	
		d) Thực hiện tốt công tác bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh trên địa bàn.	1đ	
		đ) Có từ 80% trở lên người dân được nâng cao mức hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.	1đ	
III. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp	1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (4 điểm)	a) 100% doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn phải đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định.	1đ	
		b) 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	1đ	
		c) Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm lớn trên địa bàn quản lý.	1đ	
		d) Có hệ thống cấp, thoát nước; có Tổ vệ sinh, thường xuyên quét dọn, thu gom, xử lý rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định; (đối với các thôn không có cụm, tuyến dân cư tập trung, cần tổ chức tốt việc vận động, hướng dẫn cho mỗi hộ gia đình đào hố thu gom, chôn lấp, xử lý rác thải hợp vệ sinh).	1đ	
	2. Thực hiện việc mai táng, hỏa táng (nếu có) đúng quy định của pháp luật và theo quy hoạch của địa phương (4 điểm)	a) 100% cơ sở dịch vụ mai táng thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang.	1đ	
		b) 100% gia đình khi có người qua đời làm thủ tục khai tử theo quy định của pháp luật.	1đ	
		c) Việc quy hoạch và điều kiện vệ sinh nghĩa trang phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành.	1đ	
		d) Việc mai táng phải được thực hiện trong các nghĩa trang và theo Quy chế quản lý nghĩa trang được phê duyệt và phù hợp với điều kiện thực tế, tín ngưỡng, phong tục, tập quán từng địa phương.	1đ	
	3. Các địa điểm vui chơi công cộng được tôn tạo, bảo	a) 100% các điểm vui chơi công cộng trên địa bàn thôn, tổ dân phố thường xuyên được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ.	1đ	
		b) Các điểm vui chơi công cộng độc lập phải đảm bảo đạt 80% trang thiết bị, điều kiện cơ sở vật chất	1đ	

	vệ và giữ gìn sạch sẽ (2 điểm)	văn hóa phục vụ nhu cầu các hoạt động vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em.		
	4. Tham gia tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh (4 điểm)	a) 100% hộ gia đình cam kết tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh.	1đ	
		b) Hộ gia đình tham gia trồng cây xanh công cộng tại các thôn, tổ dân phố, khu vui chơi; trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình.	1đ	
		c) 100% hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy định, có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).	1đ	
		d) Không có hành vi lây truyền dịch bệnh; thường xuyên cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước; cải tạo các ao, hồ sinh thái.	1đ	
IV. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ vững trật tự, an toàn xã hội; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương	1. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (3 điểm)	a) Định kỳ có tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương tới bà con Nhân dân.	1đ	
		b) Tạo điều kiện cho các tầng lớp Nhân dân tham gia giám sát hoạt động cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức thông qua việc tổ chức tốt tiếp xúc cử tri và đối thoại trực tiếp công dân với cấp lãnh đạo theo định kỳ.	1đ	
		c) Có từ 90% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.	1đ	
	2. Tổ chức triển khai các phong trào thi đua của địa phương. (1 điểm)	d) Triển khai Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào, cuộc vận động thi đua khác bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.	1đ	
	3. Các tổ chức tự quản ở cộng đồng hoạt động có hiệu quả (7 điểm)	a) 100% các tổ chức tự quản trên địa bàn thôn, tổ dân phố phát huy vai trò tự chủ, tự quản của người dân tại cộng đồng dân cư.	1đ	
		b) Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để các tầng lớp Nhân dân phát huy quyền làm chủ theo quy định của pháp luật.	1đ	
		c) Có hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận; phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện hương ước, quy ước; nhân rộng phát huy những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả.	1đ	

		d) Không để xảy ra các hoạt động: chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật, hoạt động ly khai, đòi tự trị, gây rối an ninh, trật tự; mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân.	1đ	
		đ) Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng và không có công dân của thôn, tổ dân phố phạm tội nghiêm trọng trở lên.	1đ	
		e) Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của thôn, tổ dân phố gây ra ở cộng đồng.	1đ	
		g) Phản ánh kịp thời những đề xuất, kiến nghị của Nhân dân, giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở; không để có khiếu kiện đông người trái pháp luật.	1đ	
	4. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn đạt danh hiệu gia đình văn hóa (2 điểm)	a) Có từ 80% hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”.	1đ	
		b) Đảm bảo nguyên tắc xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa khách quan, công bằng, chính xác và công khai, thực hiện trên cơ sở tự nguyện đăng ký tham gia.	1đ	
	5. Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới (2 điểm)	a) Thực hiện tốt các quy định pháp luật liên quan đến trẻ em, hôn nhân và gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới và chính sách dân số.	1đ	
		b) Không để xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất nghiêm trọng, bị xử lý hình sự; trên địa bàn thôn, tổ dân phố có xây dựng Câu lạc bộ phát triển bền vững và nhóm mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.	1đ	
V. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng	1. Thực hiện các Cuộc vận động, Phong trào thi đua yêu nước do trung ương và địa phương phát động (3 điểm)	Thực hiện đầy đủ các chính sách của Nhà nước về các hoạt động nhân đạo, từ thiện và đẩy mạnh thực hiện phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Cuộc vận động vì người nghèo” và các cuộc vận động khác.	3đ	

	2. Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn (5 điểm)	a) 100% gia đình chính sách, người có công với cách mạng, các đối tượng thuộc diện được hưởng trợ cấp theo quy định được quan tâm giúp đỡ, hoàn thành thủ tục và nhận trợ cấp xã hội đầy đủ.	3đ	
		b) Có các hoạt động hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ thường xuyên của cộng đồng đối với đối tượng đặc biệt khó khăn; huy động sự đóng góp của cộng đồng, kịp thời cứu trợ, giúp đỡ thiết thực cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống.	2đ	
	3. Triển khai hiệu quả các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và các mô hình về văn hóa, gia đình tại cơ sở (3 điểm)	Có tổ chức tuyên truyền, vận động, triển khai phong trào học tập suốt đời, nhân rộng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”, “Công dân học tập” gắn với nội dung triển khai xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Thôn - Tổ dân phố văn hóa”, “Dòng tộc văn hóa” tại cơ sở.	3đ	

Phụ lục III
TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG
DANH HIỆU “XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU TIÊU BIỂU”
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND ngày 14/5/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Cách thức đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
Tổng điểm			100 điểm	
I. Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao	1. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác (5 điểm)	a) Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Tỷ lệ tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông không tăng so với năm trước; không có vụ việc về cháy, nổ, tai nạn giao thông tử nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng), không có đối tượng tham gia đua xe và không để xảy ra tình trạng đua xe trái phép trên địa bàn.	2đ	
		b) Xây dựng và thực hiện tốt nếp sống văn minh nơi công cộng, trong các sinh hoạt tập thể, cộng đồng; không có tệ nạn phát sinh, giảm mạnh các tệ nạn xã hội hiện có.	1đ	
		c) Không để xảy ra tình trạng lấn chiếm lòng đường, hè phố, coi nói, làm mái che, mái vẩy gây cản trở giao thông, đặt biển quảng cáo sai quy định, gây mất mỹ quan đô thị.	1đ	
		d) Xã, phường, đặc khu đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.	1đ	
	2. Hợp tác và liên kết phát triển kinh tế xã hội (5 điểm)	a) Có các mô hình kinh tế hợp tác và liên kết phát triển kinh tế xã hội (hợp tác xã, hội doanh nhân, doanh nghiệp...).	1đ	
		b) Có nhiều hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút lao động việc làm, nâng cao thu nhập của người dân.	1đ	
		c) Có từ 85% trở lên hộ gia đình làm nông nghiệp được tuyên truyền, phổ biến khoa học - kỹ thuật về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.	1đ	
		d) 80% Hộ gia đình tham gia các hình thức hợp tác phát triển kinh tế.	1đ	
		đ) Có từ 20% trở lên hộ gia đình phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập từ sản xuất nông nghiệp hàng hóa và dịch vụ nông thôn.	1đ	

	3. Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng của địa phương (5 điểm)	a) Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết của Đảng, Quân ủy Trung ương, chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu về thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn.	1đ	
		b) Đẩy mạnh nâng cao chất lượng xây dựng các mô hình về quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ.	1đ	
		c) Quan tâm làm tốt công tác giáo dục quốc phòng và an ninh, nhất là đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành trong các tôn giáo, già làng, trưởng bản.	1đ	
		d) Nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, thực hiện huấn luyện “3 thực chất”, “3 sẵn sàng”, “4 tại chỗ” kết hợp tập trung xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực tiêu biểu”....	1đ	
		đ) Tích cực triển khai các hoạt động dân vận, chính sách như: Khám bệnh, cấp thuốc miễn phí, tặng quà cho người nghèo, học sinh nghèo vượt khó; hoàn thành xây dựng các công trình sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, nhà “Tình nghĩa Quân - Dân”, nhà đồng đội.	1đ	
II. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển	1. Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm trước (10 điểm)	a) Tỷ lệ người có việc làm trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động từ 90% trở lên (đối với phường), 80% trở lên (đối với xã, đặc khu Lý Sơn).	5đ	
		b) Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn thu nhập bình quân đầu người của toàn tỉnh.	5đ	
	2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của địa phương trong năm. (10 điểm)	a) Tổ chức phát động và thực hiện tốt cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và các cuộc vận động khác, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của địa phương	5đ	
		b) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của tỉnh.	5đ	
	3. Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn trên địa bàn (10 điểm)	a) Triển khai thực hiện tốt các quy định về an toàn điện.	2đ	
		b) 100% hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn được cung cấp đảm bảo nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất.	4đ	
		c) Định kỳ kiểm định, kiểm tra an toàn kỹ thuật các thiết bị; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế dụng cụ điện trên địa bàn.	4đ	

	4. Tổ chức, quản lý, sử dụng đúng mục đích và hoạt động có hiệu quả các công trình công cộng, trường học, trạm y tế (2 điểm)	- 100% các công trình công cộng, trường học, trạm y tế trên địa bàn được đưa vào sử dụng đúng mục đích, công năng, hoạt động đạt hiệu quả tốt.	2đ	
III. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú	1. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa trong năm (3 điểm).	Có từ 85% trở lên thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” trong năm.	3đ	
	2. Thiết chế văn hóa, thể thao có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm, được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả (10 điểm)	a) 100% Trung tâm văn hóa, Thể thao hoặc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã, phường, đặc khu, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm, được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	4đ	
		b) 100% thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, đặc khu có thành lập các Câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể thao và thường xuyên hoạt động hiệu quả.	3đ	
		c) Trung tâm văn hóa, Thể thao hoặc Trung tâm cung ứng Dịch vụ công xã, phường, đặc khu phải đảm bảo đủ các phòng chức năng theo quy định; thường xuyên bổ sung trang thiết bị, cập nhật các đầu sách, báo, tài liệu tuyên truyền các quy định của pháp luật...	3đ	
	3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội (3 điểm)	Có 90% số hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị theo các quy định của trung ương, địa phương và quy ước của thôn, tổ dân phố.	3đ	
	4. Bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các hình thức sinh hoạt văn hóa,	a) Di sản văn hóa trên địa bàn xã, phường, đặc khu thường xuyên được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa.	2đ	
		b) Thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.	2đ	

	thể thao dân gian truyền thống của địa phương (7 điểm)	c) Có nhiều hoạt động bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương.	1đ	
		d) Thực hiện tốt công tác bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh và các công trình công cộng trên địa bàn.	1đ	
		đ) Có từ 80% trở lên người dân được nâng cao mức hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.	1đ	
IV. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp	1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ (4 điểm)	a) Phát động phong trào trồng cây xanh công cộng tại các đường phố, khu vui chơi; các hộ gia đình trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình, trên địa bàn khu dân cư.	1đ	
		b) 100% doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn phải đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định.	1đ	
		c) Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về ANTT và PCCC.	1đ	
		d) Tổ chức phát động phong trào thi đua xây dựng khu dân cư “An toàn về ANTT và PCCC”; xây dựng các mô hình Camera an ninh, “Ánh sáng an ninh”, “Tổ liên gia an toàn về phòng cháy, chữa cháy”.	1đ	
	2. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch tại địa phương (4 điểm)	a) Xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.	1đ	
		b) Quy hoạch nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được thực hiện theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.	1đ	
		c) Đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phục vụ cho nhiều địa phương, sử dụng hình thức an táng mới văn minh, hiện đại nhằm tiết kiệm tối đa đất, kinh phí xây dựng và đảm bảo yêu cầu môi trường và cảnh quan xung quanh.	1đ	

		d) Khoảng cách an toàn môi trường từ hàng rào nghĩa trang tới khu dân cư, công trình công cộng phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng.	1đ	
	3. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (6 điểm)	a) $\geq 60\%$ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy định; có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).	3đ	
		b) 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm lớn (≥ 30 người mắc) trên địa bàn quản lý.	3đ	
	4. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung (2 điểm)	Thực hiện trồng cây xanh công cộng tại các đường phố, khu vui chơi; các hộ gia đình trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình, trên địa bàn khu dân cư.	2đ	
V. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	1. Tuyên truyền, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (4 điểm)	a) 90% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.	1đ	
		b) Thực hiện tốt việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thực hiện các chính sách xã hội theo đúng quy định.	1đ	
		c) Xử lý kịp thời, dứt điểm các vi phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng; không có công trình xây dựng vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức phải cưỡng chế, tháo dỡ.	1đ	
		d) Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ văn hóa được xây dựng theo quy hoạch, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật; không có cơ sở tàng trữ, lưu hành sản phẩm văn hóa có nội dung độc hại.	1đ	
	2. Triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh	a) Thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp đơn giản, thuận tiện, tiến bộ đáp ứng được nhu cầu của người dân trên địa bàn.	1đ	
		b) Tổ chức triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định.	1đ	

Phụ lục IV
MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị của thôn/tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường, đặc khu về việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”
Mẫu số 02	Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” của thôn/tổ dân phố.
Mẫu số 03	Biên bản họp thôn/tổ dân phố về việc bình xét danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.
Mẫu số 04	Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.
Mẫu số 05	Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.
Mẫu số 06	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng xã/phường/đặc khu về việc bình xét danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.
Mẫu số 7	Quyết định của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu về việc tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá”.
Mẫu số 8	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.

UBND XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU...(4)
THÔN, TỔ DÂN PHỐ...(3)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(1), ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm(2)....

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu 4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày ... tháng...năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, Tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Biên bản họp bình xét danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá” của thôn/tổ dân phố.....(3)...., Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường....(4)... tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá” cho thôn/tổ dân phố.....(3)....

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Thành tích (Tóm tắt)
1		
2		

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường ...(4)... xem xét, quyết định./.

(Kèm theo Tờ trình:

- *Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;*

- *Báo cáo thành tích của đơn vị đề nghị xét tặng danh hiệu).*

TM. THÔN/TỔ DÂN PHỐ
TRƯỞNG THÔN/TỔ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

(3) Tên thôn/tổ dân phố.

(4) Tên xã/phường/đặc khu

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU...(4)
THÔN, TỔ DÂN PHỐ...(3)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm(2)....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu ...(4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày ... tháng...năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, Tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Thôn/tổ dân phố(3).... báo cáo những thành tích đã đạt được trong năm .. (2)...., cụ thể như sau:

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Nêu rõ đặc điểm, tình hình của thôn/tổ dân phố ...(3)... đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm ...(2) ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nêu rõ những thành tích thôn/tổ dân phố ...(3)... đạt được trong năm .. (2)... theo các tiêu chuẩn của danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”

Ghi chú: Gửi kèm bằng khen, giấy khen hoặc khen thưởng khác.

TM. THÔN/TỔ DÂN PHỐ
TRƯỞNG THÔN/TỔ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.
- (3) Tên thôn/tổ dân phố.
- (4) Tên xã/phường/đặc khu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...(1)...., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP**Thôn/Tổ dân phố ...(3)... bình xét danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá”
năm ...(2)...**

Thời gian:.....giờ.....phút, ngày tháng năm...

Địa điểm:.....(4).....

Thôn/Tổ dân phố ...(3)... tiến hành họp bình xét danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá” năm ...(2)....

Chủ trì cuộc họp:.....

Thư ký cuộc họp:.....

Các thành viên tham dự (vắng.....) gồm:

1.....Chức vụ:.....;

2.....Chức vụ:.....;

Sau khi nghe Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố ...(3)..... phổ biến tiêu chuẩn, điều kiện và báo cáo thành tích của thôn/tổ dân phố đủ điều kiện xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá” năm ...(2)....; các thành viên tham dự họp đã thảo luận, biểu quyết.

Kết quả: ...% thành viên dự họp nhất trí đề nghị Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố(3).... trình Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu ...ban hành Quyết định tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm ...(2) cho các đơn vị có tên sau:

STT	Tên thôn/khu phố	Thành tích (Tóm tắt)
1		
2		

Cuộc họp kết thúc vào hồi... giờphút, ngày ... tháng năm....

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

(3) Tên thôn/tổ dân phố.

(4) Địa điểm diễn ra cuộc họp.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU...(3)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

....(1), ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường,
đặc khu tiêu biểu” năm(2)....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, Tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ báo cáo thành tích của xã, phường, đặc khu....(4)...., đạt các quy định về tiêu chuẩn chi tiết, đảm bảo hồ sơ. Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” cho xã, phường, đặc khu....năm

(Kèm theo Tờ trình: Báo cáo thành tích của đơn vị đề nghị xét tặng danh hiệu).

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Sở Nội vụ;
- Sở VH TT & DL;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU..(3)
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.
- (3) Tên xã/phường/đặc khu.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU...(3)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....(1), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm ...(2)...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày ... tháng...năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, Tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xã/phường/đặc khu(3).... báo cáo những thành tích đã đạt được trong năm .. (2)...., cụ thể như sau:

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Nêu rõ đặc điểm, tình hình, thuận lợi, khó khăn của xã/phường/đặc khu .. (3)... đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm .. (2) ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nêu rõ những thành tích xã/phường/đặc khu ...(3)... đạt được trong năm .. (2)... theo các tiêu chuẩn của danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.

Ghi chú: Gửi kèm bằng khen, giấy khen hoặc khen thưởng khác kèm theo.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
-
- Lưu: VT,....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.

(3) Tên xã/phường/đặc khu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)...., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP

Bình xét danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm ...(2)...

Thời gian:.....giờ.....phút, ngày tháng năm...

Địa điểm:.....(3).....

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã/phường, đặc khu.... tiến hành họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm ...(2)...

Chủ trì cuộc họp:.....

Thư ký cuộc họp:.....

Các thành viên tham dự (vắng.....), gồm:

1.....Chức vụ:.....;

2.....Chức vụ:.....;

3.....Chức vụ:.....;

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã/phường, đặc khu....(3)... phổ biến tiêu chuẩn, điều kiện và thông qua báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm(2).... các thành viên dự họp đã thảo luận, biểu quyết (hoặc bỏ phiếu kín).

Kết quả: ...% thành viên dự họp nhất trí đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm ..(2)... cho xã

Cuộc họp kết thúc vào hồi...giờphút, ngày ... tháng năm....

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU...(4)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....(1), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm ...(2)...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU...(4)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày ... tháng...năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, Tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng các thôn, tổ dân phố trong danh sách kèm theo Quyết định này danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm .. (3).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã/phường/đặc khu, Trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan và tập thể thôn, tổ dân phố có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-.....;

- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

(3) Tên thôn/tổ dân phố đề nghị.

(4) Tên xã/phường, đặc khu.

Mẫu số 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-UBND

....(1), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Tặng danh hiệu Xã, phường, đặc khu tiêu biểu năm...(2)****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;**Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng;**Căn cứ Quyết định số .../2026/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, Tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;**Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường, đặc khu...(3)...***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Tặng các xã, phường, đặc khu trong danh sách kèm theo Quyết định này đạt danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm ...(2).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các xã, phường, đặc khu có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:**-.....;**- Lưu: VT,....***CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên)**Ghi chú:**((1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.**(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.**(3) Tên xã/phường/đặc khu.*